

## Tiểu luận triết

---

### LỜI MỞ ĐẦU.

[[[

Ý thức là một trong hai phạm trù thuộc vấn đề cơ bản của triết học. Nó là hình thức cao của sự phản ánh của thực tại khách quan, hình thức mà riêng con người mới có. ý thức của con người là cơ năng của cái “ khối vật chất đặc biệt phức tạp mà người ta gọi là bộ óc con người” (theo LêNin). Tác động của ý thức xã hội đối với con người là vô cùng to lớn. Nó không những là kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn mà con là động lực thực tiễn. Sự thành công hay thất bại của thực tiễn, tác động tích cực hay tiêu cực của ý thức đối với sự phát triển của tự nhiên, xã hội chủ yếu phụ thuộc vào vai trò chỉ đạo của ý thức mà biểu hiện ra là vai trò của khoa học văn hoá và tư tưởng.

Nền kinh tế của nước ta từ một điểm xuất phát thấp, tiềm lực kinh tế- kỹ thuật yếu, trong điều kiện sự biến đổi khoa học- công nghệ trên thế giới lại diễn ra rất nhanh, liệu nước ta có thể đạt được những thành công mong muốn trong việc tạo ra nền khoa học- công nghệ đạt tiêu chuẩn quốc tế trong một thời gian ngắn hay không? Chung ta phải làm gì để tránh được nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới? Câu hỏi này đặt ra cho chúng ta một vấn đề đó là sự lựa chọn bước đi và trật tự ưu tiên phát triển khoa học- công nghệ trong quan hệ với phát triển kinh tế trong các giai đoạn tới. Như vậy có nghĩa là ta cần phải có tri thức vì tri thức là khoa học. Chúng ta phải không ngừng nâng cao khả năng nhận thức cho mỗi người. Tuy nhiên nếu tri thức không biến thành niềm tin và ý chí thì tự nó cũng không có vai trò gì đối với đời sống hiện thực cả. Chỉ chú trọng đến tri thức mà bỏ qua công tác văn hoá- tư tưởng thì sẽ không phát huy được thế mạnh truyền thống của dân tộc. Chức năng của các giá trị văn hoá đã đem lại chủ nghĩa nhân đạo, tính đạo đức. Không có tính đạo đức thì tất cả các dạng giá trị ( giá trị vật chất và tinh thần) sẽ mất đi mọi ý

---

## Tiểu luận triết

---

nghĩa. Còn cách mạng tư tưởng góp phần làm biến đổi đời sống tinh thần-xã hội, xây dựng mối quan hệ tư tưởng, tình cảm của con người với tư cách là chủ thể xây dựng đời sống tinh thần và tạo ra được những điều kiện đảm bảo sự phát triển tự do của con người. Mà có tự do thì con người mới có thể tham gia xây dựng đất nước.

Như vậy, ý thức mà biểu hiện trong đời sống xã hội là các vấn đề khoa học- văn hoá- tư tưởng có vai trò vô cùng quan trọng. Tìm hiểu về ý thức và tri thức để có những biện pháp đúng đắn tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện xã hội.

Trong bài tiểu luận này em chọn đề tài: "***Ý thức và vai trò của tri thức trong đời sống xã hội***" do thời gian và trình độ còn hạn chế vì vậy bài viết này chắc chắn sẽ không tránh được những thiếu sót rất mong nhận được sự đóng góp chỉ dạy của các thầy cô.

## Tiểu luận triết

---

# CHƯƠNG I

## LÝ LUẬN CHUNG CỦA TRIẾT HỌC

### VỀ Ý THỨC VÀ TRI THỨC

#### **1.1- Quan niệm của triết học Mác- Lênin về ý thức.**

##### **1.1.1. Khái niệm về ý thức**

Để đưa ra được định nghĩa về ý thức, con người đã trải qua một thời kỳ lịch sử lâu dài, nó trải qua những tư tưởng từ thô sơ, sai lệch cho tới những định nghĩa có tính khoa học.

Ngay từ thời cổ xưa, từ khi con người còn rất mơ hồ về cấu tạo của bản thân vì chưa lý giải được các sự vật hiện tượng xung quanh mình. Do chưa giải thích được giấc mơ là gì họ đã cho rằng: có một linh hồn nào đó cư trú trong cơ thể và có thể rời bỏ cơ thể, linh hồn này không những điều khiển được suy nghĩ tình cảm của con người mà còn điều khiển toàn bộ hoạt động của con người. Nếu linh hồn rời bỏ cơ thể thì cơ thể sẽ trở thành cơ thể chết.

Tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm đã phát triển quan niệm linh hồn của con người nguyên thủy thành quan niệm về vai trò sáng tạo của linh hồn đối với thế giới, quan niệm về hồi tưởng của linh hồn bất tử và quan niệm về một linh hồn phổ biến không chỉ ở trong con người mà cả trong các sự vật, hiện tượng, trong thế giới cõi người và cõi thần, quan niệm về ý thức tuyệt đối, về lý tính thế giới.

Chủ nghĩa duy tâm chủ quan thì đồng nhất ý thức với cảm giác và cho rằng cảm giác của con người chi phối thế giới...Như vậy, cả tôn giáo lẫn chủ nghĩa duy tâm đều cho rằng ý thức tồn tại độc lập với thế giới bên ngoài và là tính thứ nhất, sáng tạo ra thế giới vật chất ..

Chủ nghĩa duy vật cổ đại thì cho rằng linh hồn không thể tách rời cơ thể và cũng chết theo cơ thể, linh hồn do những hạt vật chất nhỏ tạo thành.

## Tiểu luận triết

---

Khi khoa học tự nhiên phát triển, con người đã chứng minh được sự phụ thuộc của các hiện tượng tinh thần, ý thức vào bộ óc con người thì một bộ phận nhà duy vật theo chủ nghĩa duy vật máy móc cho rằng óc trực tiếp tiết ra ý thức như gan tiết ra mật.

Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII-XVIII quan niệm ý thức bao gồm cả tâm lý, tình cảm tri thức trí tuệ, tự ý thức và định nghĩa ý thức là sự phản ánh của thế giới khách quan. Định nghĩa này chưa chỉ rõ được vai trò của xã hội, của ý thức.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định ý thức là đặc tính và sản phẩm của vật chất, ý thức là sự phản ánh khách quan vào bộ óc con người thông qua lao động và ngôn ngữ. Theo triết học Mac-Lênin "ý thức là sự phản ánh sáng tạo của thế giới khách quan vào bộ não của người thông qua lao động ngôn ngữ"

Nói vấn đề này Mác nhấn mạnh: tinh thần, ý thức chẳng qua nó chỉ là cái vật chất di chuyển vào bộ óc con người và được cải biến đi trong đó.

ý thức là một hiện tượng tâm lý xã hội có kết cấu phức tạp bao gồm tự ý thức, tri thức, tình cảm, ý chí trong đó tri thức là quan trọng nhất, là phương thức tồn tại của ý thức.

Tự ý thức là một yếu tố quan trọng của ý thức. Chủ nghĩa duy vật coi tự ý thức là một thực thể độc lập, tự nó có sẵn trong các cá nhân, biểu hiện hướng về bản thân mình, tự khẳng định "cái tôi" riêng biệt tách rời những quan hệ xã hội. Trái lại chủ nghĩa duy vật biện chứng tự ý thức là ý thức hướng về bản thân mình thông qua quan hệ với thế giới bên ngoài. Khi phản ánh thế giới khách quan, con người tự phân biệt được mình, đối lập mình với thế giới đó và tự nhận thức mình như là một thực thể hoạt động có cảm giác, có tư duy, có các hành vi đạo đức và có vị trí trong xã hội, đặc biệt trong giao tiếp xã hội và hoạt động thực tiễn đòi hỏi con người phải nhận thức rõ bản thân mình, tự điều chỉnh mình tuân theo các tiêu chuẩn, quy tắc mà xã hội đặt ra. Con người có thể đặt ra và trả lời các câu hỏi:

---

## Tiểu luận triết

---

Mình là ai? Mình phải làm gì? Mình được làm gì? Làm như thế nào? Ngoài ra văn hóa cũng đóng vai trò là "gương soi" giúp con người tự ý thức được bản thân.

Tiềm thức là những tri thức mà chủ thể có từ trước nhưng gần như đã trở thành bản năng, kỹ năng nằm sâu trong ý thức của chủ thể. .

Tình cảm là những xúc động của con người trước thế giới xung quanh đối với bản thân mình. Cảm giác yêu ghét một cái gì đó, một người nào đó hay một sự vật, hiện tượng xung quanh.

Tri thức là hiểu biết, kiến thức của con người về thế giới. Nói đến tri thức là nói đến học vấn, tri thức là phương thức tồn tại của ý thức. Sự hình thành và phát triển của ý thức có liên quan mật thiết với quá trình con người nhận biết và cải tạo thế giới tự nhiên. Con người tích lũy được càng nhiều tri thức thì ý thức thật cao, càng đi sâu vào bản chất sự vật và cải tạo thế giới có hiệu quả hơn. Tính năng động của ý thức nhờ đó mà tăng lên. Nhân mạnh tri thức là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của ý thức có nghĩa là chống lại quan điểm giản đơn coi ý thức chỉ là tình cảm, niềm tin và ý chí. Quan điểm đó là biểu hiện chủ quan, duy ý chí của sự tưởng tượng chủ quan. Tuy nhiên cũng không thể coi nhẹ nhân tố tình cảm, ý chí. Ngược lại nếu tri thức biến thành tình cảm, niềm tin, ý chí của con người hoạt động thì tự nó không có vai trò gì đối với đời sống hiện thực.

Tóm lại, ý thức bao gồm những yếu tố tri thức và những yếu tố tình cảm, ý chí trong sự liên hệ tác động qua lại nhưng về căn bản ý thức có nội dung tri thức và luôn hướng tới tri thức.

### 1.1.2- Nguồn gốc của ý thức.

#### 1.1.2.1- Nguồn gốc tự nhiên

Cùng với sự tiến hóa của thế giới, vật chất có tính phân hóa cũng phát triển từ thấp đến cao. Trong đó ý thức là hình thức phản ánh cao nhất, ý thức ra đời là kết quả của sự phát triển lâu dài của thế giới tự nhiên cho

## Tiểu luận triết

---

tới khi xuất hiện con người và bộ óc con người. Khoa học đã chứng minh rằng thế giới vật chất nói chung và trái đất nói chung đã tồn tại rất lâu trước khi xuất hiện con người, rằng hoạt động tâm lý của con người diễn ra trên cơ sở hoạt động sinh lý thần kinh của não bộ con người. Bộ não bao gồm khoảng từ 15- 17 tỉ tế bào thần kinh, các tế bào này nhận vô số các mối quan hệ thu nhận, xử lý, truyền dẫn và điều khiển toàn bộ các hoạt động của cơ thể trong quan hệ đối với thế giới bên ngoài qua cơ chế phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

Phản ánh là thuộc tính chung của vật chất. Phản ánh được thực hiện bởi sự tác động qua lại của hệ thống vật chất. Đó là những năng lực tái hiện, ghi lại của hệ thống vật chất những đặc điểm (dưới dạng đã thay đổi) của hệ thống vật chất khác. Phản ánh quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

chặt chẽ với nhau. Bộ não bị tổn thương thì hoạt động của của nhận thức sẽ bị rối loạn.

Phản ánh cũng là thuộc tính chung của vật chất. Phản ánh được thực hiện bởi sự tác động qua lại của hệ thống vật chất. Đó là những năng lực tái hiện, ghi lại của hệ thống vật chất những đặc điểm (dưới dạng đã thay đổi) của hệ thống vật chất khác. Phản ánh quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ thụ động đến chủ động, có tổ chức, điều khiển và lựa chọn đối tượng phản ánh.

Trong thế giới vô cơ có hình thức phản ánh cơ học, vật lý, hóa học. Đây là phản ánh đơn giản, thụ động không lựa chọn. Tất cả những biến đổi cơ lý hóa này tuy do những tác động bên ngoài khác nhau gây ra và phụ thuộc vào các vật phản ánh khác nhau, nhưng chúng đều là phản ánh của vật chất vô sinh.

Giới hữu sinh có tổ chức cao hơn giới vô sinh. Song bản thân giới hữu sinh lại tồn tại những trình độ khác nhau tiến hóa từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp nên hình thức phản ánh sinh vật cũng thể hiện ở

## Tiểu luận triết

---

trình độ khác nhau tương ứng. Tính kích thích là hình thức phản ánh đặc trưng cho thế giới thực vật và các động vật bậc thấp chưa có hệ thần kinh. Tính cảm ứng hay là năng lực có cảm giác là hình thức phản ánh của các động vật có hệ thần kinh. Nét đặc trưng cho phản ánh này là ngay trong quá trình hệ thần kinh điều khiển mối liên hệ giữa cơ thể và môi trường bên ngoài thông qua phản xạ bẩm sinh hay phản xạ riêng biệt. Do vậy, sinh vật phản ánh có tính lựa chọn đối với các tính chất riêng biệt của sự vật thành các cảm giác khác nhau rất đa dạng và phong phú.

Phản ánh tâm lý là hình thức phản ánh của các động vật có hệ thần kinh trung ương. Đây là hình thức phản ánh cao nhất của thế giới động vật gắn liền với quá trình hình thành các phản xạ có điều kiện. Phản ánh tâm lý đưa lại cho con vật thông tin về các thuộc tính, quan hệ của sự vật bên ngoài và về cả ý nghĩ của chúng đối với đời sống của con vật. Nhờ vậy mà nó có thể lường trước được tất cả những tình huống có thể xảy ra và chủ động điều chỉnh, lựa chọn đưa ra hành động thích hợp nhất. Phản ánh có ý thức là sự phản ánh cao nhất của sự phản ánh nó chỉ có khi xuất hiện con người và xã hội loài người. Sự phản ánh này không thể hiện ở cấp độ cảm tính như cảm giác, tri giác, biểu tượng nhờ hệ thống tín hiệu thứ nhất mà còn thể hiện ở cấp độ lý tính: khái niệm, phán đoán, suy lý nhờ tín hiệu thứ hai (ngôn ngữ). Sự phản ánh của ý thức là sự phản ánh có mục đích, có kế hoạch, tự giác, chủ động tác động vào sự vật hiện tượng buộc sự vật bộc lộ ra những đặc điểm của chúng. Sự phản ánh ý thức luôn gắn liền với làm cho tự nhiên thích nghi với nhu cầu phát triển xã hội.

### *1.1.2.1- Nguồn gốc xã hội.*

ý thức là sự phản ánh thế giới bởi bộ óc con người là sự khác biệt về chất so với động vật. Do sự phản ánh đó mang tính xã hội, sự ra đời của ý thức gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ óc người dưới ảnh hưởng của lao động, của giao tiếp và các quan hệ xã hội.

## Tiểu luận triết

---

Lao động là hoạt động vật chất có tính chất xã hội nhằm cải tạo tự nhiên, thỏa mãn nhu cầu phục vụ mục đích cho bản thân con người. Chính nhờ lao động mà con người và xã hội loài người mới hình thành, phát triển.

Khoa học đã chứng minh rằng tổ tiên của loài người là vượn, người nguyên thủy sống thành bầy đàn, hình thức lao động ban đầu là hái lượm, săn bắt và ăn thức ăn sống. Họ chỉ sử dụng các dụng cụ có sẵn trong tự nhiên, vượn người đã sáng tạo ra các công cụ lao động mới cùng với sự phát triển bàn tay dần dần tiến hóa thành con người. Lúc này thức ăn có nhiều hơn và quan trọng là tìm ra lửa để sinh hoạt và nướng chín thức ăn đã làm cho bộ óc đặc biệt phát triển, bán cầu não phát triển làm tăng khả năng nhận biết, phản ứng trước các tình huống khách quan. Mặt khác, lao động là hoạt động có tính toán, có phương pháp mục đích do đó mang tính chủ động.

Thêm vào đó, lao động là sự tác động chủ động của con người vào thế giới khách quan để phản ánh thế giới đó, lao động buộc thế giới xung quanh phải bộc lộ các thuộc tính, đặc điểm của nó. Từ đó làm cho con người hiểu biết thêm về thế giới xung quanh, thấy sự vật hiện tượng xung quanh nhiều đặc tính mới mà lâu nay chưa có. Từ đó sáng tạo ra các sự vật khác chưa từng có trong tự nhiên có thể mang thuộc tính, đặc điểm của sự vật trước đó, điều đó đồng nghĩa với việc tạo ra một tự nhiên mới.

Thêm vào đó lao động là quá trình tác động lặp đi, lặp lại hàng nghìn, hàng triệu lần phương pháp giống nhau nhờ vậy mà làm tăng năng lực tư duy trừu tượng của con người.

Tóm lại, lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển ý thức. Con người thoát ra khỏi động vật là có lao động. Vì vậy mà người ta nói "Một kiến trúc sư tồi còn hơn một con ong giỏi", bởi vì trước khi xây một ngôi nhà người kiến trúc sư đã phác thảo trong đầu anh ta hình ảnh ngôi nhà còn con ong chỉ là xây tổ theo bản năng. Qua lao động bộ óc con người hình thành và hoàn thiện. Ăng ghen nói "Sau lao động và



## Tiểu luận triết

---

đồng thời với lao động là ngôn ngữ, nó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần chuyển biến thành bộ óc người."

Sau đây ta xét đến vai trò của ngôn ngữ trong việc hình thành nên ý thức. Ngôn ngữ được coi là 'cái vỏ vật chất' của tư duy, khi mà con người có biểu hiện liên kết với nhau để trao đổi kinh nghiệm, tổ chức lao động tất yếu dẫn đến nhu cầu " cần nói với nhau một cái gì" đó chính là ngôn ngữ. Với sự xuất hiện của ngôn ngữ, tư tưởng con người có khả năng biểu hiện thành "hiện thực trực tiếp", trở thành tín hiệu vật chất tác động vào giác quan của con người, gây ra cảm giác. Do vậy, qua ngôn ngữ con người có thể giao tiếp, trao đổi kinh nghiệm, tư tưởng tình cảm cho nhau, từ đó mà ý thức cá nhân trở thành ý thức xã hội và ngược lại ý thức xã hội thâm nhập vào ý thức cá nhân. Nhờ ngôn ngữ mà phản ánh ý thức mới có thể thực hiện như là sự phản ánh gián tiếp, khái quát và sáng tạo. Vì vậy ngôn ngữ trở thành một phương tiện vật chất không thể thiếu được của sự trừu tượng hóa, khái quát hóa hay nói cách khác là của quá trình hình thành, thực hiện ý thức. Nhờ khả năng trừu tượng hóa, khái quát hóa mà con người có thể đi sâu vào hơn vào thế giới vật chất, sự vật hiện tượng? đồng thời tổng kết đúc rút kinh nghiệm trong toàn bộ hoạt động của mình. Vậy ngôn ngữ là một yếu tố quan trọng để phát triển tâm lý tư duy và văn hóa con người và xã hội loài người.

### 1.1.3- Bản chất của ý thức.

#### 1.1.3.1- Bản tính phản ánh và sáng tạo.

ý thức mang bản tính phản ánh, ý thức mang thông tin về thế giới bên ngoài, từ vật gây tác động được truyền đi trong quá trình phản ánh. Bản tính phản ánh quy định tính khách quan của ý thức, tức là ý thức phải lấy tính khách quan làm tiền đề, bị cái khách quan quy định và có nội dung phản ánh thế giới khách quan.

## Tiểu luận triết

---

ý thức có bản tính sáng tạo do ý thức gắn liền với lao động. Bản thân lao động là hoạt động sáng tạo cải biến và thống trị tự nhiên của con người. ý thức không chụp lạc một cách nguyên si, thụ động sự vật mà đã có cải biến, quá trình thu thập thông tin gắn liền với quá trình xử lý thông tin. Tính sáng tạo của ý thức còn thể hiện ở khả năng phản ánh gián tiếp khái quát thế giới khách quan ở quá trình chủ động tác động vào thế giới để phản ánh thế giới đó. Bản tính sáng tạo quy định mặt chủ quan của ý thức. ý thức chỉ có thể xuất hiện ở bộ óc người, gắn liền với hoạt động khái quát hóa, trừu tượng hóa, có định hướng, có chọn lọc tồn tại dưới hình thức chủ quan, là hình ảnh chủ quan phân biệt về nguyên tắc hiện thực khách quan sự vật, hiện tượng, vật chất, cảm tính.

Phản ánh và sáng tạo có liên quan chặt chẽ với nhau không thể tách rời. Hiện thực cho thấy: không có phản ánh thì không có sáng tạo, vì phản ánh là điểm xuất phát, là cơ sở của sáng tạo. Ngược lại không có sáng tạo thì không phải là sự phản ánh của ý thức. Đó là mối liên hệ biện chứng giữa hai quá trình thu nhận và xử lý thông tin, là sự thống nhất giữa các mặt khách quan và chủ quan trong ý thức. Vì vậy, Mac đã gọi ý thức, ý niệm là hiện thực khách quan ( hay là cái vật chất) đã được di chuyển vào bộ não người và được cải biến đi trong đó. Nói cách khác, ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Biểu hiện của sự phản ánh và sáng tạo, giữa chủ quan và khách quan của ý thức là quá trình thực hiện hóa tư tưởng. Đó là quá trình tư tưởng tìm cách tạo cho nó tính hiện thực trực tiếp dưới hình thức tính hiện thực bên ngoài, tạo ra những sự vật hiện tượng mới, tự nhiên "mới" tự nhiên "thứ hai" của con người.

### *1.1.3.2- Bản tính xã hội.*

ý thức được hình thành trong lao động, trong hoạt động cải tạo thế giới của con người. Trong quá trình đó con người nhận ra rằng cần có nhu cầu liên kết với nhau để trao đổi kinh nghiệm và các nhu cầu khác. Do đó mà khái niệm hoạt động xã hội ra đời. ý thức ngay từ đầu đã là sản phẩm

## Tiểu luận triết

---

của xã hội, ý thức trước hết là tri thức của con người về xã hội, về thế giới khách quan đang diễn ra xung quanh, về mối liên hệ giữa người với người trong xã hội. Do đó ý thức xã hội được hình thành cùng ý thức cá nhân, ý thức xã hội không thể tách rời ý thức cá nhân, ý thức cá nhân vừa có cái chung của giai cấp của dân tộc và các mặt khác của xã hội vừa có những nét độc đáo riêng do những điều kiện, hoàn cảnh riêng của cá nhân đó quy định. Như vậy, con người suy nghĩ và hành động không chỉ bằng bàn tay khối óc của mình mà còn bị chi phối bởi khối óc bàn tay của người khác, của xã hội của nhân loại nói chung. Tự tách ra khỏi môi trường xã hội con người không thể có ý thức, tình cảm người thực sự. Mỗi cá nhân phải tự nhận rõ vai trò của mình đối với bản thân và xã hội. Ta phải học làm người qua môi trường xã hội lành mạnh.

Bản tính xã hội của ý thức cũng thống nhất với bản tính phản ánh và sáng tạo. Sự thống nhất đó thể hiện ở tính năng động chủ quan của ý thức, ở quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động cải tạo thế giới của con người.

### 1.1.4 - Sự tác động trở lại vật chất của ý thức

Vật chất quyết định nội dung của ý thức bởi vì ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan bên ngoài vào trong bộ óc của con người. Nhưng nếu chỉ thấy vai trò quyết định của vật chất đối với ý thức mà không thấy được tính năng động tích cực của ý thức đối với vật chất thì sẽ mắc phải khuyết điểm của chủ nghĩa duy vật siêu hình. chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng :”ý thức của con người không phải là sự phản ánh giản đơn ,mà là sự phản ánh tích cực của thế giới vật chất “

Cùng với sự phát triển của hoạt động biến đổi thế giới ý thức con người phát triển song song với quá trình đó và có tính độc lập tương đối tác động trở lại đối với vật chất.Sự tác động trở lại vật chất của ý thức có thể là thúc đẩy hoặc ở một điều kiện nào đó trong một phạm vi nào đó kìm hãm sự phát triển của các quá trình hiện thực.

## Tiểu luận triết

---

Khi con người có những kiến thức khoa học thì sự tác động trở lại vật chất là tích cực. Con người sẽ dựa vào những tri thức và những kiến thức khoa học để lập ra những mục tiêu, những kế hoạch hoạt động đúng đắn để cải tạo thế giới vật chất, thúc đẩy xã hội ngày một phát triển hơn.

Những tri thức sai lầm phản khoa học hoặc lỗi thời lạc hậu có thể kìm hãm sự phát triển của thế giới vật chất. Do những tư tưởng, đường lối sai lầm dẫn đến chiến, đến những chiến lược phát triển kinh tế không hiệu quả... Nó kéo lùi sự phát triển của xã hội. Ở một khía cạnh nào đó ta thấy những truyền thống, những tâm tư tình cảm của con người không phụ thuộc vào vật chất. Dựa vào đặc tính này của vật chất con người có thể cố phấn đấu đi lên bằng lao động và học tập, xây dựng đất nước và xã hội giàu mạnh hơn, công bằng hơn.

### ***1.2.- Tri thức khoa học và vai trò của nó trong sự phát triển xã hội.***

#### **1.2.1- Khái niệm về khoa học**

Khoa học có nhiều định nghĩa khác nhau. Với tính cách là một lĩnh vực đặc thù của con người khoa học bao gồm hoạt động tinh thần, hoạt động vật chất, hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn xã hội. Với tính cách là một hình thái xã hội, khoa học là một hệ thống tri thức khái quát, được hình thành, phát triển và kiểm nghiệm trên cơ sở thực tiễn. Khoa học phản ánh một cách chân thực các mối liên hệ bản chất, tất nhiên, các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy con người.

Từ đó thấy rằng: Khoa học khác tôn giáo ở chỗ phản ánh một cách chân thực hiện thực, sự hình thành, phát triển của thế giới khách quan và được kiểm nghiệm qua thực tiễn; còn tôn giáo phản ánh hiện thực một cách hư ảo với niềm tin mù quáng xa rời thực tiễn. Sự phản ánh của khoa học khác với các hình thái ý thức xã hội khác ở chỗ phản ánh đúng đắn, chân thực những gì đang diễn ra và đi sâu vào các mối liên hệ bản chất, tất nhiên, các quy luật vận động phát triển của hiện thực. Hình thức biểu hiện chủ yếu của khoa học là các khái niệm, phạm trù, quy luật.

## Tiểu luận triết

---

Đối tượng nghiên cứu của khoa học bao hàm cả tự nhiên, xã hội và bản thân con người, các lĩnh vực vật chất, tinh thần và cả các hình thái ý thức xã hội.

### **1.2.2- Vai trò của tri thức khoa học đối với sự phát triển của xã hội.**

Khoa học hình thành và phát triển trên cơ sở sản xuất và hoạt động thực tiễn. Vai trò của khoa học ngày càng tăng lên đối với sự phát triển của xã hội.

Ngày nay, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Vai trò của nó thể hiện ở chỗ khoa học trở thành điểm xuất phát, ra đời, những ngành sản xuất mới, công nghệ mới, nguyên liệu mới. Khoa học trở thành yếu tố tri thức không thể thiếu được của người lao động, biến người lao động thành người điều khiển kiểm tra quá trình sản xuất. Đội ngũ các nhà khoa học, kỹ thuật viên trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ngày một đông. Bản thân khoa học cũng trở thành một lĩnh vực hoạt động sản xuất vật chất với quy mô ngày càng lớn.

Cùng với khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, các khoa học xã hội như kinh tế học, luật học, xã hội học... cũng không ngừng phát triển và đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Khoa học không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn giúp con người có đầu óc tư duy sáng tạo, tầm nhìn sâu rộng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các nhà lãnh đạo vì phải nắm được cơ sở khoa học thực tế thì mới hoạch định được chính sách, đường lối phát triển của một tổ chức hay một quốc gia.

Tóm lại, có khoa học là bạn đồng hành thì xã hội ngày càng văn minh tiến bộ.

## CHƯƠNG 2

# VAI TRÒ CỦA TRI THỨC KHOA HỌC ĐỐI VỚI THỰC TIỄN NƯỚC TA HIỆN NAY

### 2.1. Vai trò của tri thức khoa học trong công cuộc đổi mới của Việt

#### *Nam.*

Trong công cuộc đổi mới, tri thức khoa học được xem là nền tảng và động lực của sự phát triển đất nước. Những cơ sở khoa học cùng những luận cứ khoa học đã giúp Đảng có một sự định hướng đúng đắn về đường lối chính sách phát triển của đất nước; vạch ra kế hoạch phát triển cho từng lĩnh vực cụ thể: Công nghiệp, Nông nghiệp, du lịch dịch vụ, Khoa học công nghệ...Nói đến vai trò nền tảng và động lực của tri thức Khoa học trong công cuộc đổi mới là nói đến con đường công nghiệp hoá hiện đại hoá dựa trên cơ sở Khoa học và công nghệ, coi khoa học-công nghệ là lực lượng sản xuất trực tiếp và hàng đầu. Quan điểm này cho thấy rõ sự quyết tâm và lựa chọn sáng suốt của đảng ta trong đổi mới tư duy, đổi mới quan niệm và đổi mới phương thức phát triển phù hợp với những đòi hỏi phải tiến hành công nghiệp hoá đi đôi với hiện đại hoá với tốc độ nhanh nhưng vẫn đảm bảo tính bền vững trong những thập niên đầu của thế kỷ 21.

Nhìn lại thế kỷ 20 đã qua chúng ta thấy có những đổi thay to lớn do khoa học-công nghệ mang lại. Trên thế giới sự xuất hiện các nhóm nước mới công nghiệp hoá( NIC ) sau chiến tranh thế giới thứ 2 cũng không nằm ngoài ảnh hưởng lan toả của các thành tựu khoa học - công nghệ thông qua quá trình chuyển giao công nghệ tiến bộ bằng các chính sách công nghiệp và nông nghiệp khôn ngoan, các nước NIC đã tận dụng được cơ hội tiếp thu nhanh chóng các công nghệ mới, thay đổi phương thức sản xuất cũ vốn dựa trên lao động thủ công và tài nguyên chủ yếu để chuyển sang áp dụng các kỹ thuật cơ khí hoá, tự động hoá theo hướng tạo ra các giá trị gia tăng cao thúc đẩy sự phát triển, tăng trưởng kinh tế. Nhờ đi theo con đường

công nghiệp hoá dựa hẳn vào Khoa học-công nghệ mà một số nước đã rút ngắn được thời gian cần thiết để làm tăng gấp đôi thu nhập bình quân đầu người. Trước kia, nước Anh phải mất 58 năm, Mỹ mất 47 năm thì giờ đây Braxin chỉ mất 18 năm, Hàn Quốc 11 năm và Trung quốc chỉ trong vòng

10 năm. Ta có thể so sánh Hàn Quốc và Gana vào những năm 60 và bây giờ. Điểm xuất phát hai nước đều có mức thu nhập bình quân đầu người như nhau, đều là các quốc gia chậm phát triển. Vậy mà ngày nay, thu nhập đầu người của Hàn Quốc đã gấp 6 lần của Gana. vì sao có sự cách biệt lớn lao như vậy? Đó là do Hàn Quốc đã thu nhận và sử dụng trí thức Khoa học sáng tạo và phù hợp với thực tiễn hơn.

Thực tiễn trong những năm qua ở Việt Nam cho thấy: ở đâu có sự sáng tạo trong công cuộc đổi mới các giải pháp về Khoa học-công nghệ thì ở đó có sự tiến bộ vượt bậc. Thử hỏi nếu Việt Nam vẫn giữ nền kinh tế tập trung bao cấp chưa chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần thì hiện giờ đất nước chúng ta sẽ ra sao.

Về Nông nghiệp sự sáng tạo của Đảng trong chính sách khoán áp dụng trong nông nghiệp những năm 80 là một ví dụ điển hình cho thấy vai trò của chính sách trong việc tạo ra mức tăng trưởng sản lượng kỷ lục về lương thực mà không có một yếu tố sản xuất thông thường nào như: vốn, lao động, vật tư có thể mang lại. Chính sách mới làm cho người lao động làm việc có trách nhiệm và năng nổ sáng tạo hơn. Đảng đẩy mạnh và khuyến khích nông dân đưa khoa học-công nghệ vào sản xuất như: sử dụng các loại giống mới, phân bón, máy móc sản xuất theo công nghệ cao của thế giới; nâng cấp hệ thống thủy lợi bằng cách đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống sông, đê ngăn chặn nước mặn lên biển. ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và vật liệu mới trong thiết kế và thi công công trình là cho việc thực hiện công trình xảy ra nhanh chóng đáp ứng kịp thời nhu cầu, lợi ích của bà con nông dân.

## Tiểu luận triết

---

Về công nghiệp qua trình sáng tạo và triển khai chính sách mở cửa thu hút vốn đầu tư nước ngoài đã dẫn tới sự ra đời của một khu vực kinh tế mới - Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài rất năng động đang góp phần tạo ra trên 10% GDP, 30% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Các công ty, xí nghiệp nhờ đi thẳng vào công nghệ hiện đại mà đã đạt được những thắng lợi ngoài cả sự mong đợi. Ví dụ điển hình là công ty chế biến sữa Vinamilk từ tình trạng vô cùng khó khăn đã vươn lên sản xuất ra được những sản phẩm cạnh tranh được với hàng nhập ngoại.

Trong các ngành, Bưu chính viễn thông, khai thác dầu khí và các ngành nghề khác nhờ những quyết định táo bạo trong đầu tư vào Kỹ thuật công nghệ hiện đại mà đạt được mức tăng trưởng cao trong thời gian dài, ổn định. Văn hoá-giáo dục được nâng cấp, đầu tư cơ sở một cách thoả đáng.

Thực tế cho thấy sau 15 năm đổi mới dựa vào tiềm năng của đất nước và sự trợ giúp của Khoa học-Công nghệ chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể.

Về kinh tế tổng sản lượng trong nước năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội và năng lực sản xuất tăng nhiều. Nền kinh tế từ tình trạng hàng hoá khan hiếm nghiêm trọng nay đã sản xuất đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường định hướng XHCN. Đời sống của nhân dân dần được cải thiện. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, vượt qua được cơn chấn động chính trị và sự hụt hẫng về thị trường. kinh tế tăng trưởng tương đối cao: Tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân 7% trong một năm; giá trị nông-lâm-ngư nghiệp tăng bình quân 5,7%/ năm. trong đó: Nông nghiệp tăng 5,6%, lâm nghiệp 0,4% và ngư nghiệp tăng 8,9%. Công nghiệp đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Nhịp độ tăng giá trị sản xuất hàng năm 13,5%. Đầu tư sản xuất ra sản phẩm có chiều sâu, đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu. dịch vụ



## Tiểu luận triết

---

phát triển với giá trị trung bình là 6,8%/ năm. Lạm phát giảm đáng kể: Năm 1986 là 587,2% thì năm 1990 chỉ còn 52,8%.

Về chính trị xã hội nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong giai đoạn 1996-2000 đã có đóng góp tích cực trong phát triển lí luận và tổng kết thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thế kỷ 20. Nhờ kết quả nghiên cứu đã đóng góp cho quá trình chuẩn bị các văn kiện hội nghị trung ương khoá VIII, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế xã hội những năm sau và đóng góp cho việc chuẩn bị văn kiện Đại hội IX vừa qua. Khoa học xã hội còn đóng góp quan trọng và việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các văn bản dưới luật, các chính sách và hiệp định quốc tế, trong đó có hiệp định thương mại Việt-Mỹ, khoa học xã hội còn hướng vào giải quyết nhiều vấn đề cụ thể bức xúc trong thực tiễn phát triển kinh tế xã hội như: Vấn đề toàn cầu hoá, quốc tế hoá, công nghiệp hoá-hiện đại hoá... Các vấn đề tôn giáo, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Do vậy văn hoá phát triển lành mạnh với phương châm " Hoà nhập nhưng không hoà tan ". Bên cạnh việc tiếp thu văn hoá thế giới chúng ta không quên giữ gìn và phát huy nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Giáo dục ngày càng được chú trọng. Các quốc gia phát triển đã rút ra một điểm quan trọng là: Giáo dục là con đường ngắn nhất để phát triển để tiến tới nền kinh tế trí thức hay còn gọi là nền kinh tế chất xám. ở Việt Nam từ năm 1997 đến nay, nhân lực Khoa học-Công nghệ cả nước đã tăng 1,5 lần. Cán bộ Khoa học-Công nghệ có trình độ đại học đạt xấp xỉ 1,3 triệu và hàng năm bổ xung thêm khoảng 180 nghìn người. Cán bộ có trình độ tiến sĩ đã tăng lên gần 13 nghìn vào năm 2000. Trình độ, năng lực cán bộ trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, công trình điện, bưu chính viễn thông, thăm dò và khai thác dầu khí đạt mức trung bình tiên tiến trong khu vực. Bắt đầu từ năm 2000 chính phủ đã bố trí khoản ngân sách riêng để

## Tiểu luận triết

---

hàng năm chủ động gửi sinh viên cán bộ Khoa học-Công nghệ có năng lực đi đào tạo dài hạn tại các nước có nền Khoa học tiên tiến.

Khoa học-Công nghệ đã có khả năng làm chủ và thích nghi nhiều công nghệ tiên tiến của nước ngoài trong các lĩnh vực như viễn thông, khai thác dầu khí, năng lượng...Nhiều vấn đề cấp bách, có ý nghĩa quan trọng đối với đất nước do thực tiễn đặt ra được các lực lượng Khoa học-Công nghệ nghiên cứu và giải quyết như: Cơ sở khoa học cho các phương án phòng chống thiên tai, các phương pháp sản xuất Vacxin phòng bệnh...

Rõ ràng, quan niệm về vai trò nền tảng và động lực phát triển của Khoa học - Công nghệ đối với sự phát triển vừa có cơ sở thực tiễn trong nước vừa hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, khi lợi thế tương đối của các yếu tố lao động rẻ và tài nguyên thiên nhiên đang chuyển dần sang các yếu tố tri thức Khoa học - Công nghệ.

### **2.2. Những yếu kém và hạn chế của Khoa học-Công nghệ ở nước ta hiện nay.**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được hoạt động Khoa học-Công nghệ ở nước ta cũng còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và chưa thực sự đóng vai trò động lực- nền tảng cho phát triển. Sau đây là một số biểu hiện:

- Tiềm lực Khoa học-Công nghệ vẫn còn ở mức thấp so với thế giới và khu vực chưa đáp ứng được đòi hỏi của nhu cầu phát triển. Tỷ lệ cán bộ Khoa học - Công nghệ trên tổng số dân chưa cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc biệt, còn thiếu rất nhiều chuyên gia đầu ngành, việc đào tạo và đào tạo lại tiến hành chậm, nguy cơ hụt hẫng trong đội ngũ rất lớn, nhất là trong những ngành mũi nhọn như công nghệ tin học, sinh học, cơ khí, chế tạo máy. Việc xếp loại các cơ quan Khoa học-Công nghệ còn lúng túng, việc sử dụng đội ngũ trí thức còn lãng phí cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học còn thấp xa so với nhu cầu thực tiễn.

## Tiểu luận triết

---

- Cơ chế quản lí kinh tế chưa thực sự gắn kết các hoạt động Khoa học-Công nghệ với kinh tế xã hội, tạo động lực thực sự và nguồn lực dồi dào cho hoạt động Khoa học-Công nghệ phát triển.

- Cơ chế quản lí Khoa học-Công nghệ chậm và chưa được đổi mới một cách căn bản mặc dù tư tưởng đổi mới cơ chế quản lí đã xuất hiện từ rất sớm. Chưa có sự liên thông giữa cơ chế quản lí kinh tế và cơ chế quản lí Khoa học - Công nghệ. Chưa đảm bảo được quyền lợi vật chất và tôn vinh xứng đáng đối với các nhà khoa học có cống hiến lớn. Cơ chế hình thành, quản lí, đánh giá các đề tài Khoa học-Công nghệ vẫn còn nhiều khó khăn để có thể chuyển đổi theo tinh thần đổi mới của luật Khoa học-Công nghệ.

- Thị trường Khoa học-Công nghệ còn manh nha chưa phát triển. Mặc dù giá trị các hợp đồng kí kết giữa các cơ quan Khoa học-Công nghệ với các tổ chức kinh tế xã hội, giữa trong nước và nước ngoài đang tăng lên nhưng vẫn chưa xứng đáng với tiềm năng.

### ***2.3. Những giải pháp cần thiết và cấp bách cho nền kinh tế Việt Nam hiện nay.***

Việt Nam là nước đi sau có nhiều khả năng tiếp nhận những thành tựu Khoa học-Công nghệ của thế giới. Do đó có thể rút ngắn được quá trình công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước ở các nước công nghiệp phát triển, kinh tế tri thức đang có những bước phát triển mạnh. Việt Nam không chỉ phải tích cực chuẩn bị cho bước phát triển này, mà cần phải tiếp nhận kinh tế tri thức ở những ngành, lĩnh vực mà ta có khả năng, ưu thế. Hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực vừa đặt ra những thách thức song cũng cho ta nhiều cơ hội để nâng cao trình độ Khoa học - Công nghệ và xây dựng tiềm lực khoa học. Đứng trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã vạch ra chiến lược:

Phát triển đồng bộ các ngành khoa học, gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện để Khoa học-Công nghệ thực sự là động lực phát triển, vừa đảm bảo thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá vừa tạo

## Tiểu luận triết

---

ra tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Đồng thời xây dựng tiềm lực Khoa học-Công nghệ, xây dựng cơ sở để từng bước phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam. cụ thể là một số giải pháp sau.

- Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết đại hội IX của Đảng, nâng cao nhận thức toàn dân và các cấp, các ngành về vai trò nền tảng và động lực của Khoa học-Công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

- Hai là, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lí kinh tế nhằm tạo lập môi trường kinh tế-xã hội theo hướng tạo điều kiện, vừa khuyến khích, vừa ràng buộc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao tính cạnh tranh thị trường trong nước và nước ngoài.

- Ba là, đưa luật Khoa học-Công nghệ vào cuộc sống rộng rãi hơn. Tiến hành tổng kết thực tiễn hoạt động Khoa học-Công nghệ những năm qua và kịp thời thể chế hoá những mô hình tốt, cách làm hay đã được thực tiễn thử thách và chứng minh. Đồng thời tích cực đổi mới về cơ bản cơ chế quản lí Khoa học-Công nghệ theo tinh thần luật Khoa học-Công nghệ để nhanh chóng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực Khoa học-Công nghệ.

- Bốn là, tháo gỡ các khó khăn, các ách tắc để mở rộng và phát triển khai thông thị trường Khoa học-Công nghệ. đây là nhiệm vụ hết sức cấp bách, cơ bản và lâu dài, để phát huy hết vai trò động lực của Khoa học-Công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước.

- Năm là, chú trọng và ưu tiên cho nghiên cứu và thực thi các chính sách sử dụng và đãi ngộ nhân tài tri thức khoa học bên cạnh các biện pháp chăm lo đào tạo nhân lực Khoa học-Công nghệ.

- Sáu là, Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng Khoa học-Công nghệ để nhanh chóng hội nhập với thế giới và khu vực, đặc biệt là cơ sở hạ tầng

## Tiểu luận triết

---

về thông tin Khoa học - Công nghệ, trang thiết bị nghiên cứu cho các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Đó là những giải pháp cho nền kinh tế nước ta hiện nay.

## Tiểu luận triết

---

### KẾT LUẬN

Vật chất và ý thức ta thấy rằng chúng cũng có tính độc lập và tác động qua lại với nhau. Nếu ta áp dụng những tri thức khoa học để cải biến thế giới nó sẽ cho ta những kết quả như ý muốn, những tri thức sai lầm luôn đưa ta đến thất bại. Vai trò của tri thức khoa học ngày càng quan trọng. Đứng trước thế kỉ 21 - thế kỉ có nhiều biến đổi sâu sắc và phổ biến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đây là thử thách đồng thời là thời cơ nghiệt ngã cho tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Cả thế giới đang dần tiến tới xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức. Nhờ áp dụng các kỹ thuật Khoa học-Công nghệ của thế giới mà chúng ta có thể đi thẳng tới nền kinh tế tri thức mà không qua kinh tế công nghiệp. Đó là sự lựa chọn hợp lí và đúng đắn. Vấn đề là phải hiểu biết và vận dụng nó để đưa tri thức khoa học vào tất cả các lĩnh vực hoạt động chứ không phải xây dựng nền kinh tế tri thức riêng biệt cho một khu vực nào đó. Kinh tế tri thức theo cách hiểu nào đó là của mọi người, nó phải được thấm thấu vào trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế và xã hội. Đất nước Việt Nam đã đi qua chiến tranh thắng lợi rất vẻ vang, vậy tại sao chúng ta không thể chiến thắng trong việc xây dựng và phát triển đất nước? Nhất định chúng ta sẽ làm được và làm tốt bởi mang trong mình sức mạnh đoàn kết dân tộc và bản tính thông minh lao động sáng tạo của con người Việt Nam. Những thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới đã cho thấy rõ điều đó. Và bây giờ nhiệm vụ của chúng ta là:

Tìm hiểu những tri thức mới, cập nhật và làm chủ những tiến bộ khoa học của loài người.



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình triết học Mac-Lênin (Tập 2 )  
Nhà xuất bản chính trị quốc gia
2. Lí luận chính trị  
Số 11( 2001)  
Tạp chí nghiên cứu của học viện chính trị quốc gia  
HCM
3. Sinh hoạt lí luận  
Số 4( 47- 2001)  
Học viện chính trị quốc gia HCM- phân viện Đà  
Nẵng.
4. Tạp chí cộng sản  
Số 3( 2- 1999 )
5. Tạp chí cộng sản  
Số 10( 5-2001 )
6. Tạp chí cộng sản  
Số 13( 7-2001 )
7. Tạp chí cộng sản  
Số 19( 10-2001 )



Tiểu luận triết